

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thắng

Bà Hà Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M; sinh năm 1988; cư trú tại: Đường H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Trọng N; sinh năm 1969; cư trú tại: Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị M, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thông qua sự giới thiệu của họ hàng, bà và ông Phạm Trọng N đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân quận S - thành

phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13-6-2016. Sau khi kết hôn 01 tháng thì ông N về Mỹ. Hàng năm thì ông Nghĩa đều về Việt Nam thăm bà; tuy nhiên, do dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên mấy năm nay ông N không thể về Việt Nam và tình cảm cũng phai nhạt, cả hai cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Dù được gia đình khuyên bảo nhưng bà nhận thấy nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt như mong muốn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông N không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Trọng N đã gửi văn bản cho Tòa án thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Lê Thị M, có địa chỉ cư trú tại Đường H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Phạm Trọng N, có quốc tịch Hoa Kỳ; địa chỉ cư trú tại Hoa Kỳ, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Phạm Trọng N, theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của đương sự đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, ông N đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ. Theo đó, ông N xác định là không thể về Việt Nam để tham dự giải quyết việc ly hôn với bà M; đồng thời đề nghị Tòa án mở phiên tòa để giải quyết yêu cầu ly hôn cho ông và bà M, do đó Tòa án không mở phiên họp hòa giải, theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng

dân sự và mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông N, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Phạm Trọng N của bà Lê Thị M thì thấy, sau khi kết hôn thì vợ chồng mỗi người sống một nơi, vợ chồng không sống gần nhau để yêu thương, chăm sóc cho nhau và cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, bà M và ông N đều tự xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn ông N của bà M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Bà Lê Thị M và ông Phạm Trọng N không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Lê Thị M phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 464, Điều 469, điểm c khoản 1 Điều 474, khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị M đối với ông Phạm Trọng N

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị M được ly hôn với ông Phạm Trọng N.

2. Về án phí: Bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004998 ngày 08-7-2022, của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn Bà Lê Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Phạm Trọng N không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- UBND quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam